TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thành

+ Ông Lê Quốc Tân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kiều Phương T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Lương Văn T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Kiều Phương T trình bày: Bà và ông Lương Văn T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng tháng 11 năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thay đổi tính tình, thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con và có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà trong thời gian bà mới sinh con. Từ đó, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan

điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà T đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung: có 02 con chung tên là Lương Tiến V, sinh ngày 02/3/2017 và Lương Anh T, sinh ngày 25/10/2018, bà T có nguyện vọng nuôi cháu T còn cháu V bà T đồng ý giao cho ông T nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung chiếc xe môtô nhãn hiệu Vision, có giá trị 30.000.000đ, theo như đơn khởi kiện đã nêu, bà T tự nguyện rút yêu cầu trên, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2019, bị đơn ông Lương Văn T trình bày: Ông và bà Kiều Phương T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2016. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung giữa hai bên. Ông T và bà T không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay, bà Thảo yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Tiến V, sinh ngày 02/3/2017 và Lương Anh T, sinh ngày 25/10/2018, ông T yêu cầu nuôi cháu V còn cháu T đồng ý giao cho bà T nuôi, hai bên không cấp dưỡng con chung. Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Phương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Phương T và ông Lương Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào năm 2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét tuy bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại lời khai ở hồ sơ vụ án, ông T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa ông và bà T tính tình không hoà hợp nên dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Kể từ tháng 11/2018, ông T và bà T đã không còn chung sống với nhau, ông T và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau, không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên đồng ý thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T là tự nguyện, không

trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của bà T, ông T tại hồ sơ vụ án, ông T và bà T đều xác định có 02 con chung là Lương Tiến V, sinh ngày 02/3/2017 và Lương Anh T, sinh ngày 25/10/2018. Hai bên đều thống nhất với nhau, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T còn ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về vấn đề nuôi các con chung nêu trên của ông T và bà T. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông T có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Vision, có giá trị 30.000.000đ theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà T tự nguyện rút yêu cầu trên (theo đơn rút yêu cầu chia tài sản chung lập ngày 12/4/2019), căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên của bà T.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Kiều Phương T và ông Lương Văn T.

2. Về con chung: Bà Kiều Phương T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lương Anh T, sinh ngày 25/10/2018; ông Lương Văn T trực tiếp chăm sáo, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lương Tiến V, sinh ngày 02/3/2017; ông T, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông T đều có

quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Vision, có giá trị 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* của nguyên đơn bà Kiều Phương T.

4. Về án phí: Bà Kiều Phương T nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002479 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lại thu tiền số AA/2016/0002480 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, Khánh Hòa.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã T
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ